CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG

Ngày 30/09/2024	71,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.2%	**-**	**-8.7%**

DT thuần
Q3/24
1,977
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.0| 2.3%
YoY: ▲ 272| 16.0%

LN thuần
Q3/24
385
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.0| -5.3%
YoY: ▲ 136| 54.7%

LN sau thuế
Q3/24
314
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -5.3%
YoY: ▲ 111| 54.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
20.4%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE (TTM)
Q3/24
27.6%
YoY: +/-▲ 0.8%

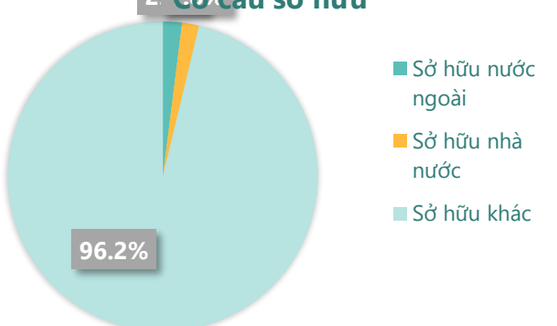
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	43,139 - 86,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,032
Số lượng CPLH (CP)	210,533,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	304,310
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	1.60
EPS	5,635
P/E	12.7

DT thuần
9T 2024
5,736
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 974| 20.5%

LN thuần
9T 2024
1,105
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 253| 29.7%

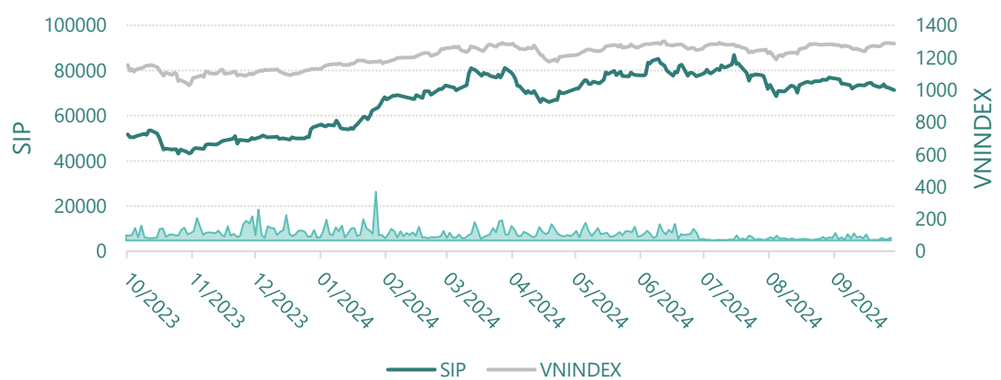
LN sau thuế
9T 2024
902
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 239| 36.0%

Cơ cấu sở hữu

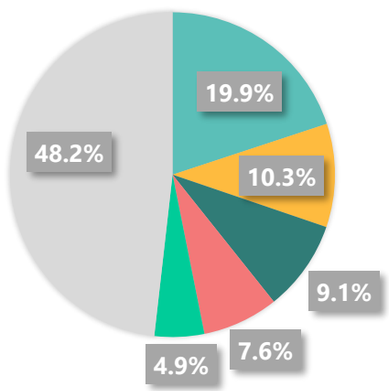


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

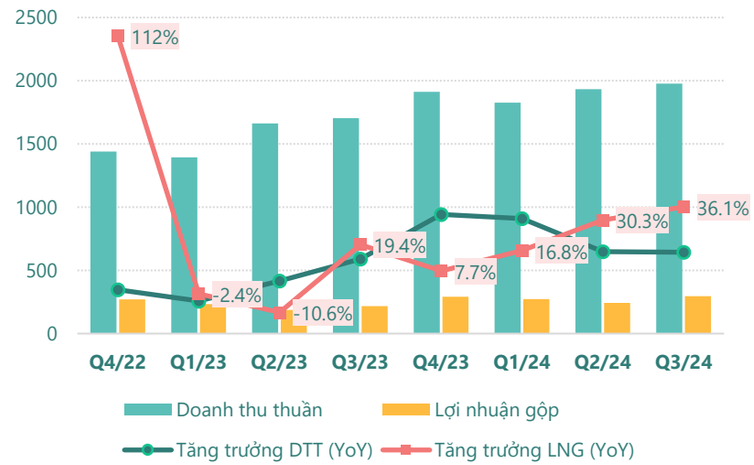


- CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị An Lộc
- Trần Mạnh Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên
- Lư Thanh Nhã (Tổng giám đốc)
- Trần Ngọc Xuân Trang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

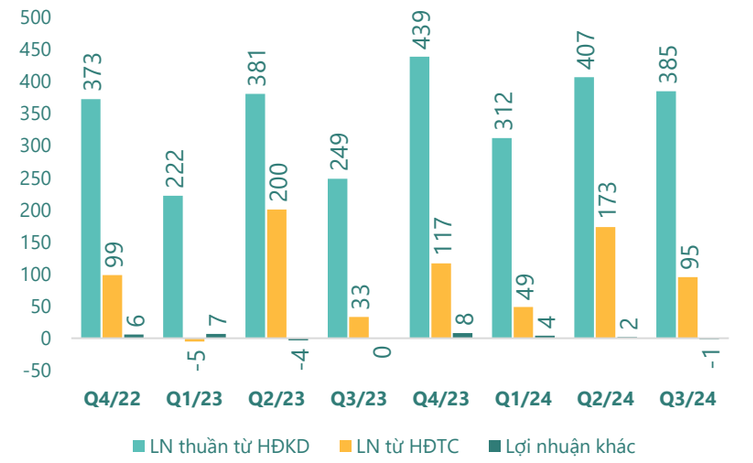
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



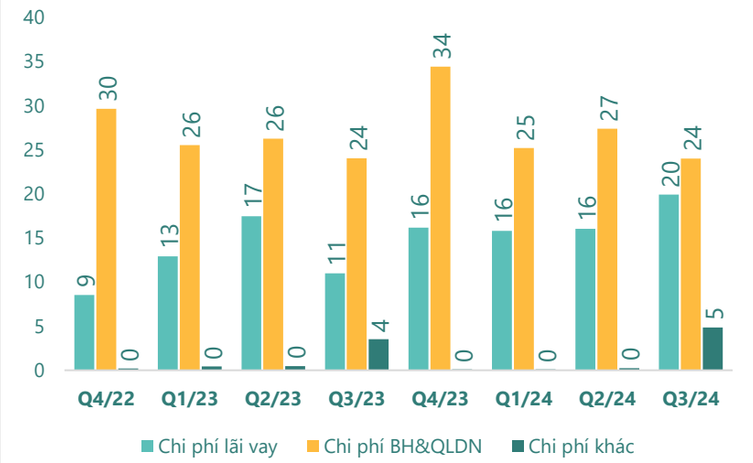
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



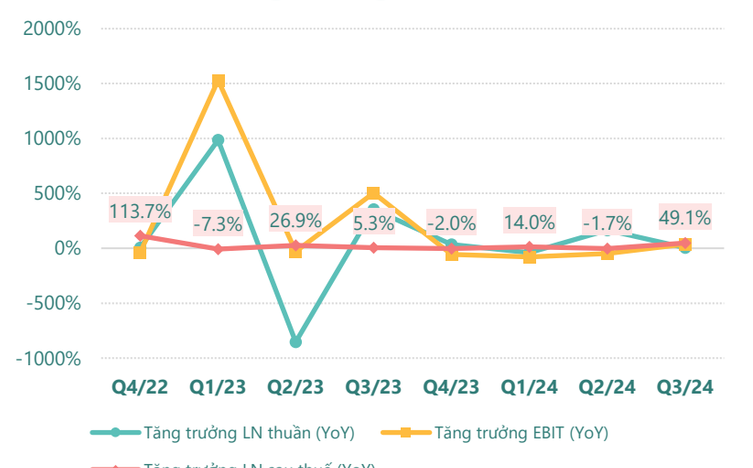
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



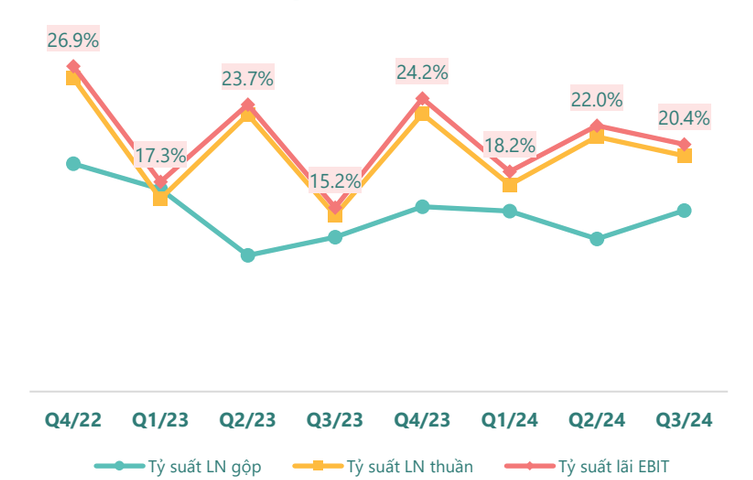
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



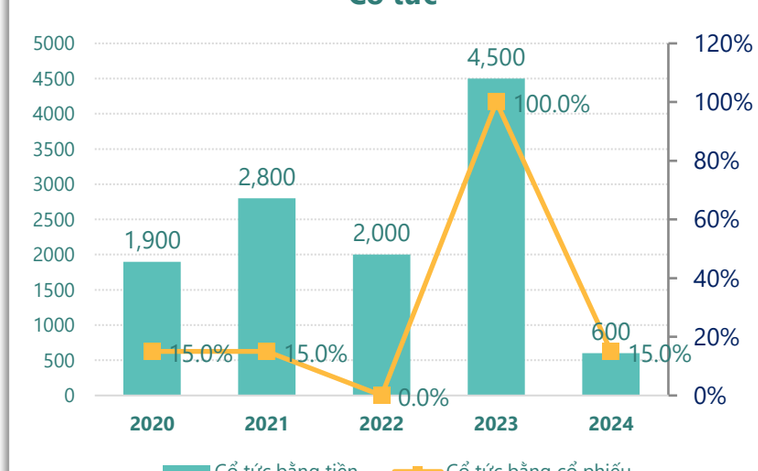
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

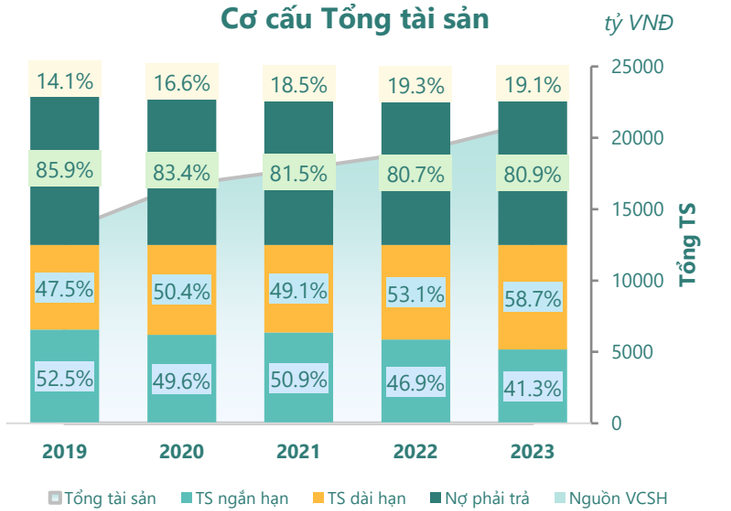
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

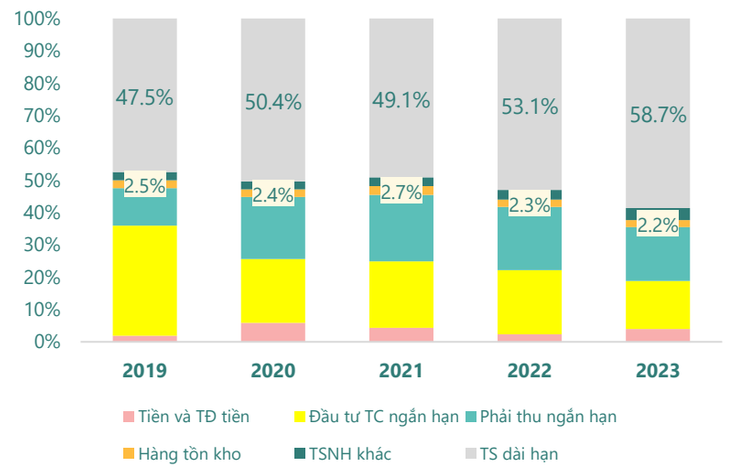
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



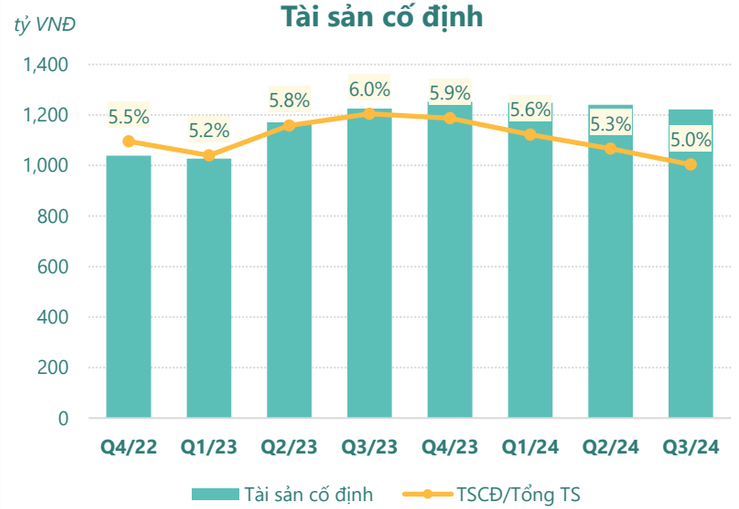
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



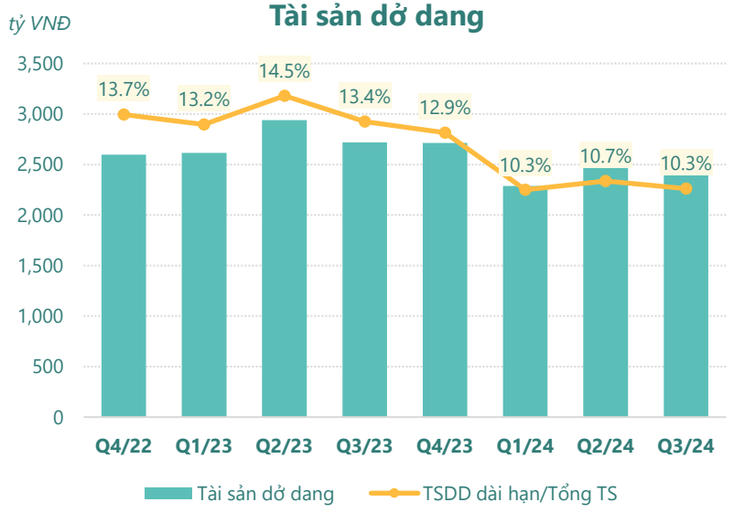
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



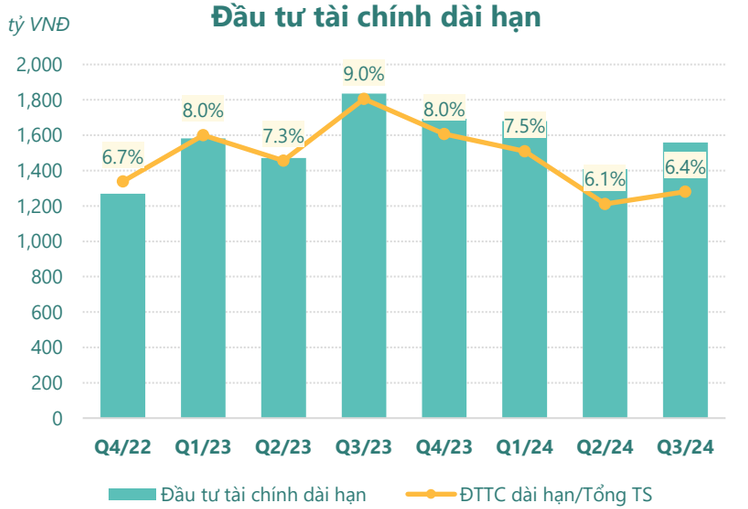
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



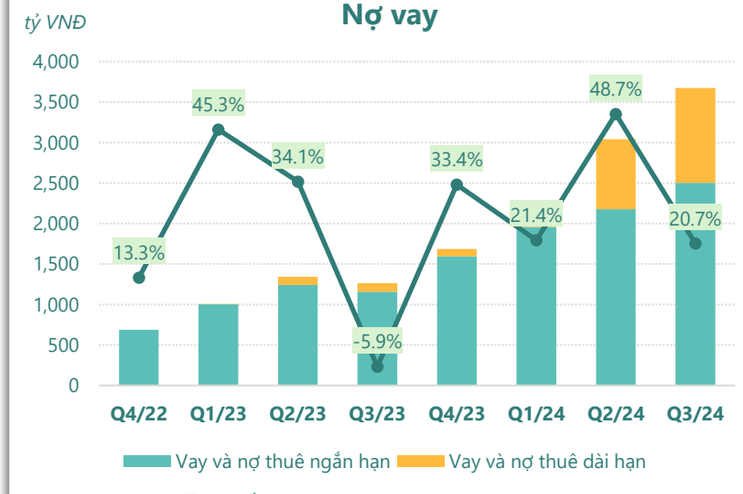
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

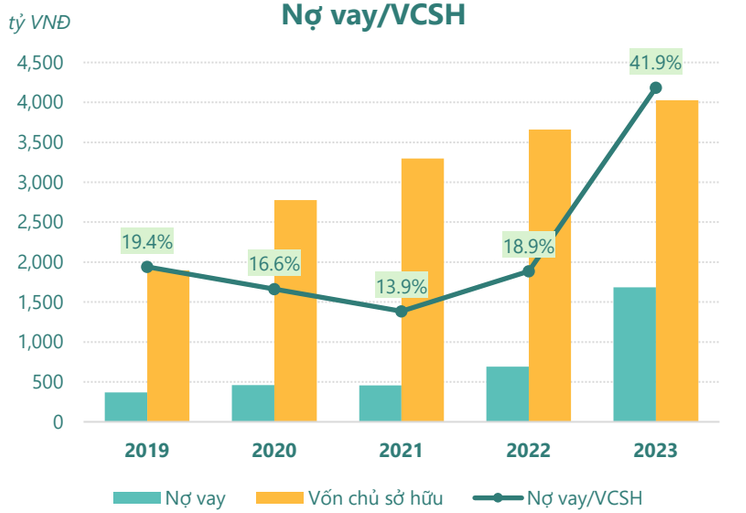
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

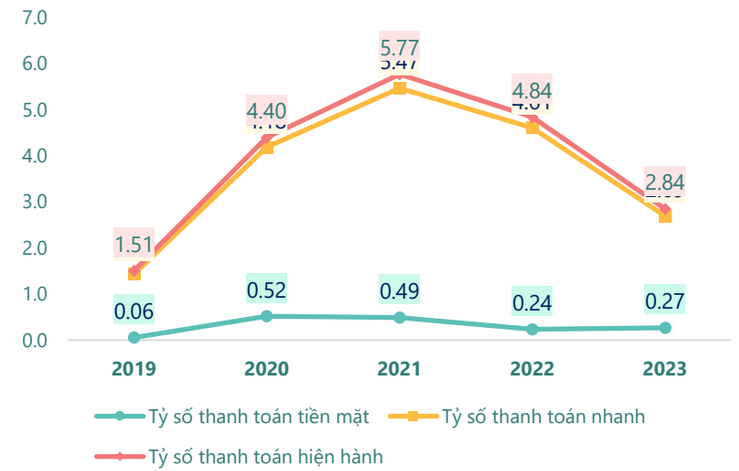
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



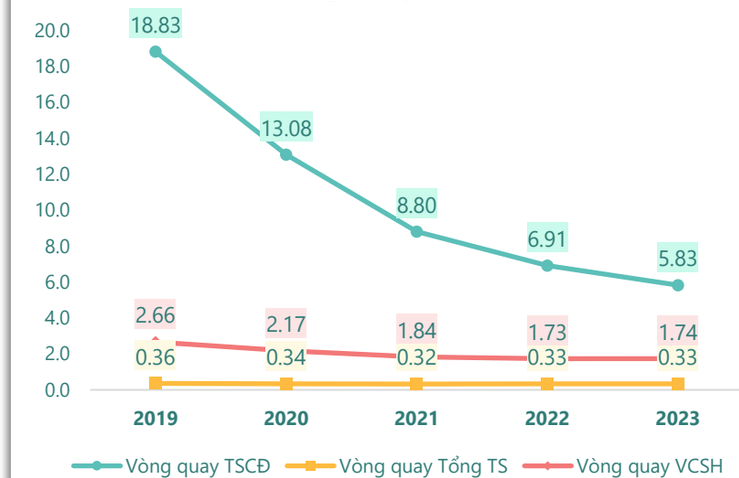
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



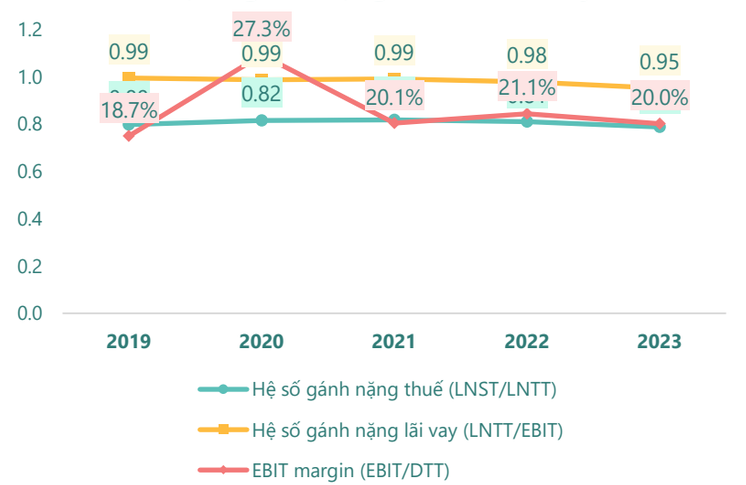
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



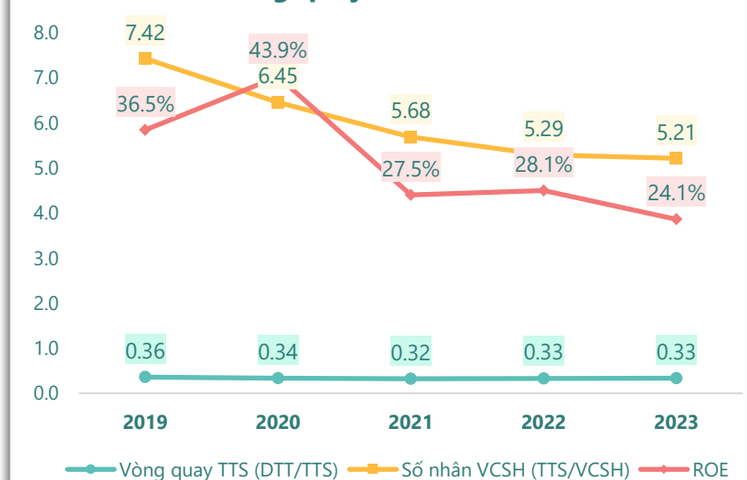
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



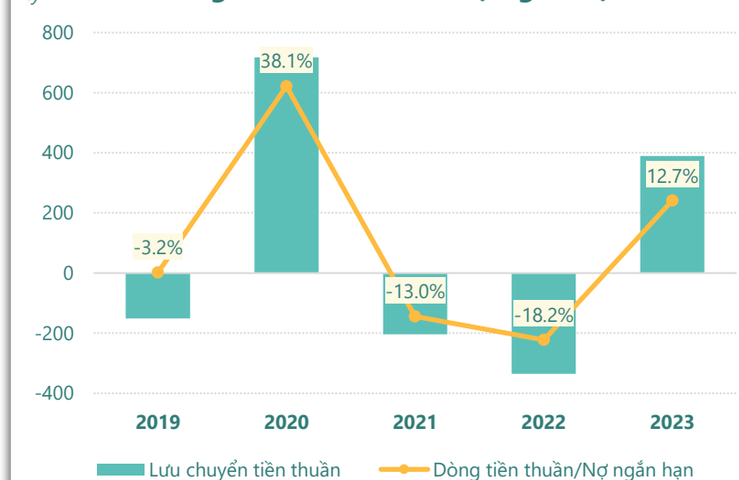
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,977**	**1,705**	**16.0%**	**5,736**	**4,762**	**20.5%**
Giá vốn hàng bán	1,681	1,487	13.0%	4,924	4,124	19.4%
Lợi nhuận gộp	296	217	36.4%	812	638	27.3%
Doanh thu HĐTC	135	53.2	154%	392	300	30.8%
Chi phí TC	40.2	20.2	99.3%	75.0	71.3	5.1%
Chi phí lãi vay	19.9	11.0	81.1%	51.7	41.4	25.0%
LN trong công ty LKLD	**18.2**	**22.2**	**-18.0%**	**51.9**	**61.1**	**-15.1%**
Chi phí bán hàng	3.69	3.50	5.4%	12.8	12.0	6.5%
Chi phí QLDN	**20.3**	**20.5**	**-0.9%**	**63.8**	**63.8**	**-0.1%**
LN thuần từ HĐKD	385	249	54.7%	1,105	852	29.7%
Lợi nhuận khác	**-1.34**	**-0.21**	**-536%**	**4.43**	**2.81**	**57.3%**
LN trước thuế	384	248	54.8%	1,109	854	29.8%
Lợi nhuận sau thuế	**314**	**203**	**54.5%**	**902**	**663**	**36.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**302**	**194**	**55.6%**	**847**	**617**	**37.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-583	-298	236	727	-1,169	140
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,154	-553	-50.8	-850	60.5	-1,232
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.04	-79.8	241	361	886	593
Tiền đầu kỳ	764	1,332	401	829	1,067	844
Lưu chuyển tiền thuần	**568**	**-931**	**426**	**238**	**-223**	**-499**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,332	401	827	1,067	844	345

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,345**	**21,060**	**15.6%**
Tài sản ngắn hạn	11,678	8,707	34.1%
Tiền và tương đương tiền	345	829	-58.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,477	3,139	42.6%
Phải thu ngắn hạn	5,600	3,500	60.0%
Hàng tồn kho	386	468	-17.6%
Tài sản ngắn hạn khác	870	771	12.8%
Tài sản dài hạn	**12,667**	**12,353**	**2.5%**
Phải thu dài hạn	800	800	0.0%
Tài sản cố định	1,222	1,252	-2.4%
Bất động sản đầu tư	5,493	5,443	0.9%
Tài sản dở dang	2,518	2,286	10.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,559	1,516	2.8%
Tài sản dài hạn khác	**1,076**	**1,056**	**1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	19,634	17,032	15.3%
Nợ ngắn hạn	**3,985**	**3,061**	**30.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,503	1,595	56.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	206	238	-13.2%
Nợ dài hạn	15,649	13,971	12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,170	90.7	1190%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,711**	**4,028**	**16.9%**
Vốn chủ sở hữu	**4,711**	**4,028**	**16.9%**
Vốn điều lệ	2,105	1,818	15.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)